**NGỮ VĂN 9**

**I. ÔN TẬP VĂN BẢN:**

Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải

Viếng Lăng Bác – Viễn Phương

Sang thu – Hữu Thỉnh

Nói với con – Y Phương

Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê

Bến quê – nguyễn Minh Châu( HD)

**II. ÔN TẬP TIẾNG VIẾT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Khởi ngữ* | - Đứng trước chủ ngữ nêu đề tài được nói đến trong câu  - Có thể thêm quan hệ từ từ đằng trước: **Về, đối với** | Ví dụ : **Giàu**, thì tôi cũng **giàu** rồi.  **Sang**, thì tôi cũng **sang** rồi. |
| *Các thành phần biệt lập* | *1. Tình thái:*  - Cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến ở trong câu.  - Gắn với ý kiến của người nói:  - Thái độ người nói đối với người nghe.  *2. Cảm thán*: Biểu lộ tâm lí người nói:  *3. Gọi đáp:* Tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp  *4. Phụ chú :*  - Nằm giữa 2 dấu phảy  - Nằm giữa 2 dấu gạch ngang  - Nằm giữa 2 dấu ngoặc đơn  - Nằm sau 2 chấm ( ít gặp) | Ví dụ : Tin cậy cao : Chắc chắn, chắc hẳn .  + Tin cậy thấp : Hình như, dường như…  Ví dụ: Theo ý tôi, ý anh , ý ông ấy …  Ví dụ : ạ, à, ư, nhỉ, nhé, hả, hử, đây, đấy …  Ví dụ 2 : Than ôi!thời oanh liệt nay còn đâu?  Ví dụ 3 : Này; xin lỗi, làm ơn, thưa ông!…  Ví dụ 4:  Cô bé nhà bên ( có ai ngờ)  Cũng vào du kích.  Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  Mắt đen tròn ( thương thương quá đi thôi) |
| *Nghĩa tường minh hàm ý:* | 1. Nghĩa tường minh : Được diễn đạt trực tiếp ( bằng những từng ngữ trong câu)  2. Hàm ý : Không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu | Ví dụ 1 : Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này.  Ví dụ 2 : Cơm chín rồi ( mời vào ăn cơm) Chè đã ngấm rồi đấy (mời uống chè) |
| *Tổng kết từ vựng ( 6-8)* | 1. Từ đơn và phức  2. Thành ngữ  3. Nghĩa của từ  4. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của.  5.Từ đồng âm  6. Từ đồng nghĩa  7. Từ trái nghĩa  8. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.  9. Trường từ vựng  10. Từ tượng thanh, tượng hình | Ví dụ 1 : Ăn, giam giữ, tốt tươi ..  Ví dụ 2 : Nước mắt cá sấu  Ví dụ 3 :Trắng tay- tay trắng.  Ví dụ 4 : ăn, cuốc, bàn  Ví dụ 5 : Lồng, chín  Ví dụ 6 : Quả- trái; máy bay- phi cơ  Ví dụ 7 : Xấu- đẹp, cao- thấp  Ví dụ 8 : Từ : từ đơn, từ phức, từ ghép, từ láy  Ví dụ 9 : Mặt lão đột nhiên co rúm lại ... hu hu khóc...  Ví dụ 10 : ầm ầm..  Thấp thoáng, |
|  | 11. Một số phép tu từ vựng :  a. So sánh: ( A như B)  b. ẩn dụ : ( ẩn về A)  c. Nhân hoá  d. Hoán dụ  e. Nói quá(khoa trương, phóng đại)  g. Nói giảm, nói tránh  h. Điệp ngữ  i. Chơi chữ  12. Từ địa phương | Ví dụ 11:  a. Mặt trời xuống biển như hòn lửa..  b.Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ  c. Sóng đã cài then đêm sập cửa..  d. Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi  e. Thuyền ta lái gió .. biển bằng..  g.Con ở Miền Nam ra thăm lăngBác..  h. Buồn trông...ghế ngồi..  i. Chữ tài liền với chữ tai một vần...  Ví dụ 12 : Ngã- Bổ- Té |

ôn tập về Các biện pháp tu từ:

Các biện pháp chủ yếu: So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ)

III. **ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN - DÀN BÀI VĂN NGHỊ LUẬN NGẮN**

1. HS dựa vào dàn bài đã được gợi ý, viết một bài văn nghị luận ngắn hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề bài.
2. Bài văn nghị luận phải có đầy đủ ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.
3. Dung lượng bài làm: Khoảng một trang giấy thi.
4. Các thao tác cần chú ý khi viết một bài văn nghị luận ngắn:

**I.Mở bài**:

Giới thiệu vấn đề nghị luận ( có thể nêu khái niệm, giải thích đề tài hoặc định nghĩa…)

**II.Thân bài:**

1.Biểu hiện của vấn đề trên như thế nào? Dẫn chứng.

2.Bàn luận – Mở rộng, nâng cao vấn đề:

* Mặt tích cực của vấn đề?
* Ta ca ngợi ai? Điều gì? Dẫn chứng.
* Ta phê phán ai? Điều gì? Dẫn chứng.

**III.Kết bài:**

* Tác dụng của vấn đề ( đối với người xung quanh, đối với bản thân).
* Liên hệ bản thân.

**IV. ÔN TẬP LÀM VĂN:**

**Dạng đề tổng hợp ( nội dung trong chương trình ngữ văn 9 cả hai hoc kỳ)**

Hướng dẫn HS giải bộ đề cương của phòng giáo duc.